

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **54/2022/DS-ST**
Ngày: 13-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Tấn Dũng.**
- Ông Nguyễn Tuấn Lam.**

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: **Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2022, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng C; địa chỉ trụ sở chính: 169 Phố L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội; địa chỉ Phòng giao dịch: Khóm T 1, thị trấn T, huyện h, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Ông Hà Xuân B, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch huyện H là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19 tháng 9 năm 2019); có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Võ Thanh T, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 3 năm 2022, nguyên đơn Ngân hàng C (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), do ông Hà Xuân B đại diện, trình bày: Ngày 15 tháng 9 năm 2006, anh Võ Thanh T có vay vốn Ngân hàng tại Phòng giao dịch huyện H, số tiền 9.000.000 đồng, theo Chương trình cho vay nhà vượt lũ Đồng bằng sông Cửu Long; theo mã món vay 6000005100232049, lãi suất 3%/năm, hạn trả 15/9/2016. Món vay đã quá hạn nhiều năm, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng anh T chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu anh T trả số tiền vay gốc 9.000.000 đồng, lãi tạm tính đến ngày 09/3/2022 là 762.236 đồng, tổng cộng 9.762.236 đồng và tiếp tục trả lãi theo mã món vay số 6000005100232049 đến khi trả nợ xong.

Bị đơn, anh Võ Thanh T đã được đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) nhưng anh T vẫn vắng mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của BLTTDS. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; Buộc bị đơn anh Võ Thanh T trả cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ 9.762.236 đồng và tiếp tục chịu lãi theo thỏa thuận đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 của BLTTDS.

[3] Tòa án đã thông báo cho bị đơn các thông báo thụ lý, hòa giải, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng họ không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án cũng

không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà Ngân hàng đưa ra nên Ngân hàng không phải chứng minh các chứng cứ đã xuất trình cho Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của BLTTDS.

[4] Xét việc nguyên đơn yêu cầu anh Võ Thanh T trả số tiền vay còn nợ gốc và lãi là 9.762.236 đồng theo mã món vay số 6000005100232049 là có căn cứ để chấp nhận, vì: Anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên buộc anh T phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền vay còn lại nợ gốc và lãi 9.762.236 đồng và tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận mà các bên đã ký kết cho đến khi trả nợ xong theo quy định tại các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ như Hội đồng xét xử đã nhận định nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh T phải chịu toàn bộ án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của BLTTDS, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, số tiền 2.790.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 147, 244, 227, 228 và 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng C.
2. Buộc anh Võ Thanh T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C số tiền vay còn nợ gốc 9.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 09/3/2022 là 762.236 đồng, tổng cộng 9.762.236 (Chín triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm ba mươi sáu) đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mã món vay số 6000005100232049 cho đến khi trả nợ xong.
3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Võ Thanh T chịu 488.000 (Bốn trăm tám mươi tám nghìn) đồng.
4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/9/2022); đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú